

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**CHÍNH PHỦ****CHÍNH PHỦ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 72/2012/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2012

NGHỊ ĐỊNH**Về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến xây dựng cơ bản ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

Chương I**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Nghị định này quy định về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị và khuyến khích áp dụng đối với khu vực ngoài đô thị.

2. Các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trong đô thị phải tuân thủ theo quy định của Nghị định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật là việc các tổ chức, cá nhân bố trí, lắp đặt đường dây, cáp viễn thông, điện lực và chiếu sáng công cộng (gọi chung là đường dây, cáp); đường ống cấp nước, thoát nước, cấp năng lượng (gọi chung là đường ống) vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

2. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là các công trình được xây dựng để bố trí, lắp đặt đường dây, cáp và đường ống, bao gồm: Cột ăng ten; cột treo cáp (dây dẫn); cống cáp; hào và tuy nèn kỹ thuật; đường đô thị; hầm đường bộ; hầm đường sắt; cống ngầm; cầu đường bộ và cầu đường sắt.

3. Cơ sở dữ liệu về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm thuyết minh, bản vẽ hoàn công; các dữ liệu về trang thiết bị, các thông tin về tổ chức, cá nhân tham gia quản lý và sử dụng chung.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được xác định trong quy hoạch; được đầu tư, xây dựng theo quy hoạch để đảm bảo tính đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên đất, tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng, bảo đảm cảnh quan và môi trường.

2. Tổ chức, cá nhân sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân có đường dây, cáp và đường ống lắp đặt mới có trách nhiệm bố trí vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng.

4. Việc lắp đặt, bố trí các đường dây, cáp và đường ống mới vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đã xây dựng phải có các giải pháp bảo đảm sự hoạt động bình thường của hệ thống đã có.

5. Các loại đường dây, cáp và đường ống bố trí, lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải có dấu hiệu nhận biết theo quy định tại Điều 11 của Nghị định này.

6. Việc quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các quy định về kỹ thuật; bảo đảm an toàn, mỹ quan đô thị và được thực hiện thông qua hợp đồng quy định tại Điều 16, Điều 17 của Nghị định này.

Điều 4. Tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia hoạt động có liên quan đến quy hoạch, thiết kế, xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung có trách nhiệm tuân thủ theo quy định về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình. Trong trường hợp chưa có tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, cho phép áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài. Việc áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật của nước ngoài phải tuân thủ quy định của pháp luật về áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong hoạt động xây dựng tại Việt Nam.

2. Bộ Xây dựng và các Bộ trong phạm vi chức năng nhiệm vụ được Chính phủ giao tổ chức xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung và ban hành theo thẩm quyền.

Điều 5. Kiểm tra, xử lý vi phạm về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật

1. Cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng theo phân cấp có trách nhiệm kiểm tra, phát hiện vi phạm về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật và xử lý vi phạm theo thẩm quyền.

2. Các tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định trong nghị định này tùy theo mức độ sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 6. Các hành vi bị cấm

1. Xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không tuân thủ quy hoạch đô thị; không đúng giấy phép xây dựng hoặc không có giấy phép xây dựng theo quy định.

2. Lắp đặt đường dây, cáp và đường ống vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung không theo quy định.

3. Cản trở việc tham gia sử dụng chung theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4. Vi phạm quy định về quản lý, khai thác sử dụng, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Chương II

**QUY HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG
KỸ THUẬT SỬ DỤNG CHUNG**

Điều 7. Yêu cầu đối với công tác quy hoạch

1. Quy hoạch đô thị phải xác định công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung (hướng tuyến, vị trí và quy mô) để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý đầu tư xây dựng.

2. Quy hoạch chung đô thị phải xác định hướng tuyến và quy mô các công trình công cấp, hào và tuy nen kỹ thuật trên các đường trục chính đô thị.

3. Quy hoạch phân khu phải xác định vị trí, số lượng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung từ đường chính khu vực trở lên và được thể hiện trên mặt cắt ngang điển hình.

4. Quy hoạch chi tiết phải xác định vị trí, số lượng, quy mô công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung từ cấp đường nội bộ trở lên và được thể hiện trên mặt cắt ngang điển hình.

5. Đối với thành phố trực thuộc Trung ương, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật phải xác định các hạng mục công trình theo lĩnh vực tham gia vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bảo đảm tính đồng bộ, làm cơ sở để lập dự án đầu tư xây dựng công trình.

6. Trong các quy hoạch quy định tại Khoản 2, Khoản 3 và Khoản 4 Điều này phải xác định số lượng, loại đường dây, cáp và đường ống tham gia lắp đặt vào công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

7. Đối với các đô thị đã có quy hoạch đô thị được phê duyệt nhưng chưa có các nội dung được quy định tại Khoản 2, 3, 4, 5 tại Điều này thì phải bổ sung ngay khi điều chỉnh quy hoạch. Trường hợp công trình hạ tầng sử dụng chung chưa có trong quy hoạch đô thị, khi đầu tư xây dựng phải có ý kiến thỏa thuận của cơ quan quản lý nhà nước về quy hoạch tại địa phương.

8. Đối với đô thị hiện hữu, trên cơ sở khảo sát đánh giá công trình hạ tầng kỹ thuật hiện có, đề xuất giải pháp cải tạo, nâng cấp và xây dựng mới nhằm bảo đảm tính kế thừa, đáp ứng nhu cầu sử dụng chung trong khu vực quy hoạch.

Điều 8. Đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Đối với đô thị mới, khu đô thị mới, chủ đầu tư có trách nhiệm đầu tư xây dựng đồng bộ công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các đô thị hiện hữu, Ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã, thị trấn theo phân cấp quản lý phải có kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

3. Đối với các khu vực khác, khuyến khích đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung nhằm bảo đảm kết nối, khả năng khai thác, sử dụng thuận lợi và an toàn.

4. Nhà nước khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung theo các hình thức đầu tư phù hợp và có chính sách hỗ trợ, ưu đãi đối với các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

5. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ và ưu đãi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Điều 9. Nguồn vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Vốn ngân sách nhà nước.
2. Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh.
3. Vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước.
4. Vốn ODA, vốn tài trợ nước ngoài.
5. Vốn từ các nhà đầu tư trong, ngoài nước.
6. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có chính sách huy động các nguồn lực để đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trên địa bàn.

Điều 10. Sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung

1. Ủy ban nhân dân các thành phố, thị xã, thị trấn theo phân cấp quản lý là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung bao gồm:

a) Công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách địa phương;

b) Nhận bàn giao lại từ các tổ chức, cá nhân bỏ vốn đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung sau khi hết thời hạn quản lý khai thác theo quy định.

2. Các tổ chức được giao quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách trung ương đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung cho đến khi bàn giao cho địa phương theo quy định.

3. Các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng đô thị mới, khu đô thị mới là chủ sở hữu, quản lý vận hành công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung đến khi bàn giao theo quy định.

4. Các tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung do mình bỏ vốn đầu tư xây dựng đến khi bàn giao theo quy định.

5. Các chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung phải tuân thủ các quy định về quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành.

Chương III**SỬ DỤNG CHUNG CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG KỸ THUẬT**

Điều 11. Quy định về dấu hiệu nhận biết các loại đường dây, cáp và đường ống trong công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung